

DANH MỤC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 SANG NĂM 2025 - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (CŨ)

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			PHÂN NGUỒN TRUNG ƯƠNG GIAO				PHÂN NGUỒN VỐN 1.589,271 TỶ ĐỒNG		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI PHÂN THEO NGUỒN							Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tăng thu ngân sách huyện Hòa Vang (cũ)		
						XL...	ĐB								XL...	ĐB									
	TỔNG SỐ	69 CT			1,120,471	1,057,041	63,430	488,681	377,947	50,837	34,777	32,803	135,426	368,584.243979	342,994.705311	25,589.538668	189,462.551062	106,746.378482	8,321.999753	18,304.000000	5,532.463000	34,166.851682	6,050.000000		
1	Mở rộng đường Đỗ Ngọc Du từ đường 5,5m lên 10,5m	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT DN	BQL DA KV Thanh Khê	7909863	12,300	7,900	4,400	2,300				10,000		873.647273	873.647273		873.647273								
2	Khu vực phía Bắc đường Lê Trọng Tấn (thuộc Khu đô thị phía Tây đường Trường Chinh)	BQL các DADT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	7673635	4,000	1,000	3,000					3,269	731	1,000	1,000						269	731			
3	Đường vào nghĩa trang thành phố và đường vào nghĩa trưn̄g Phước Ninh, xã Hòa Khương	BQL các DADT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8027397	13,985	13,485	500		3,000			10,985		5,000.000000	5,000.000000						5,000.000000				
1	Cải tạo đường giao thông nông thôn Lê Sơn Nam - Nam Sơn	BQL các DADT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8004015	9,232.934	3,131.934	6,101	7,468.000	1,765					2,366.993000	2,366.993000	-	602.059000	1,764.934000							
2	Dự án cải tạo tuyến đường ĐH4 (Đoạn từ đập Bara An Trạch đến Hầm chui dân sinh)	BQL các DADT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8008721	17,412	12,375	5,037	16,412	1,000					8,544.885953	6,074.688000	2,470.197953	7,544.885953	1,000.000000	-	-	-	-			
3	Cải tạo tuyến đường đi Lê Sơn Nam (đoạn từ đường ĐT 605 đến Lê Sơn Nam)	BQL các DADT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8004016	13,293.606	8,293.606	5,000	10,293.606	3,000					4,937.113266	4,471.256000	465.857266	1,937.113266	3,000.000000	-	-	-	-			
1	Kè chống sạt lở Khe Tân Thanh, đoạn hạ lưu cầu Tân Thanh; xã Hoà Nhơn, huyện Hoà Vang	Số NN&MT	Số NN&MT	8080248	10,100	10,100		10,100						4,371.904000	4,371.904000		4,371.904000								
2	Kè chống sạt lở bờ tả sông Túy Loan đoạn qua thôn Hoà Phát và thôn Phú Túc xã Hoà Phú, huyện Hoà Vang	Số NN&MT	Số NN&MT	8080249	10,400	10,400		10,400						2,091.264000	2,091.264000		2,091.264000								
3	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Yên (đoạn từ hạ lưu đập An Trạch- cầu sông Yên-ngã ba sông Cẩm Lệ)	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	7859740	40,000	35,000	5,000				34,777	5,223		18,304	18,304					18,304					
I.2	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN...	5 CT			39,820	39,820	0	37,320	0	0	0	2,500	0	22,262.107000	22,262.107000	-	22,262.107000	-	-	-	-	-	-		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			PHÂN NGUỒN TRUNG ƯƠNG GIAO				PHÂN NGUỒN VỐN 1.589,271 TỶ ĐỒNG		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI PHÂN THEO NGUỒN								Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tăng thu ngân sách huyện Hòa Vang (cũ)		
						XL...	ĐB								XL...	ĐB									
a	Các dự án chuyển tiếp	1 CT			3,953	3,953	0	1,453	0	0	0	2,500	0	1,073.102000	1,073.102000		-	1,073.102000	-	-	-	-	-		
1	Nâng cấp Vườn ươm Tràm lăm sinh và phát triển giống lâm nghiệp	Số NN&MT	Số NN&MT	8046142	3,953	3,953		1,453				2,500		1,073.102000	1,073.102000		1,073.102000								
1	Tu sửa, xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở hạ lưu cầu An Tân 1 và thượng lưu cầu An Tân 2, xã Hòa Phong	Số NN&MT	Số NN&MT	8043016	11,000	11,000		11,000						2,215.114000	2,215.114000		2,215.114000								
2	Trồng rừng thay thế	Số NN&MT	Số NN&MT	7760399	1,635	1,635		1,635						1,446.200000	1,446.200000		1,446.200000								
3	Nạo vét, kiên cố hóa, chống sạt lở và bồi lấp đất các kênh tiêu thoát nước tại các xã Hòa Khương, Hòa Phong, Hòa Tiến, huyện Hòa Vang	Số NN&MT	Số NN&MT	8082680	10,000	10,000		10,000						7,489.194000	7,489.194000		7,489.194000								
4	Các tuyến kênh trạm bơm An Trạch (Kênh chính, N5-A, N7)	Cty TNHH MTV KCTL ĐN	Cty TNHH MTV KCTL ĐN	8075516	13,232	13,232		13,232						10,038.497000	10,038.497000	-	10,038.497000	-	-	-	-	-	-		
L3	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC	2 CT			3,836	3,836	0	10	0	3,000	0	826	0	703.463000	703.463000	-	-	-	440.000000	-	263.463000	-	-		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024	1 CT			826	826	0	0	0	0	0	826	0	263.463000	263.463000	-	-	-	-	-	263.463000	-	-		
1	Công trình cấp nước PCCC rừng tại khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa thuộc địa bàn xã Hòa Ninh và Hòa Bắc	Số NN&MT	Số NN&MT	7831166	825.902	825.902						825.902		263.463000	263.463000						263.463000				
b	Các dự án khởi công mới	1 CT			3,010	3,010	0	10	0	3,000	0	0	0	440.000000	440.000000	-	-	-	440.000000	-	-	-	-		
1	Cống thoát nước đường Lê Văn Lương (khu vực trạm biến áp 110KV Cảng Tiên Sa)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL ĐA ĐTXD KV Sơn Trà	8092656	3,010	3,010	-	10		3,000				440.000000	440.000000				440.000000						
L4	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	1 CT			7,300	7,300	-	-	-	-	-	-	7,300	6,162.127300	6,162.127300	-	-	-	-	-	-	6,162.127300			
a	Các dự án khởi công mới	1 CT			7,300	7,300	0	0	0	0	0	0	7,300	6,162.127300	6,162.127300	-	-	-	-	-	-	6,162.127300			
1	Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát điều khiển giao thông thông minh tại thành phố Đà Nẵng	Số Xây dựng	Số Xây dựng	8054377	7,300	7,300							7,300	6,162.127300	6,162.127300							6,162.127300			
L5	LẬP QUY HOẠCH				1,711.22	1,711.22		863.22	848					1,711.220000	1,711.220000		863.220000	848.000000						Chi tiết theo biểu đính kèm.	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			PHÂN NGUỒN TRUNG ƯƠNG GIAO				PHÂN NGUỒN VỐN 1.589,271 TỶ ĐỒNG		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI PHÂN THEO NGUỒN								Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tăng thu ngân sách huyện Hòa Vang (cũ)			
						XL...	ĐB								XL...	ĐB										
1	Trung tâm Giáo dục và chăm sóc mầm non OneSky - Đà Nẵng	Sở GDĐT	Sở GDĐT	7601282	6,043	6,043							6,043.019100	6,043.019100												- Danh mục dự án không phát sinh chi cần đối trong dự toán. DA được ghi danh mục để thực hiện thủ tục pháp lý đối với DA viện trợ không hoàn lại của nước ngoài theo quy định tại TT số 23/2022/TT-BTC ngày 26/4/2022 của Bộ Trưởng BTC; ND số 80/2020/ND-CP của Chính phủ; DA được phê duyệt tiếp nhận viện trợ theo QĐ số 3295/QĐ-UBND ngày 25/5/2016, QĐ số 2464/QĐ-UBND ngày 05/6/2019, QĐ số 1406/QĐ-UBND ngày 04/7/2023.
1	Trường Trung học phổ thông Hòa Xuân (nay là Trường Nguyễn Văn Thoại)	Sở GDĐT	Sở GDĐT	7677403	4,500	4,500		3,000	1,500				3,000.000000	3,000.000000		3,000.000000										
2	Xây mới Trường Mầm non Sao Mai – cơ sở 2 (Trường Mầm non Hòa Thọ Tây mới)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	7878535	10,500	10,000	500	500				10,000.0	500	-	500	500										
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hoàng Dư Khương	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8018405	26,500	26,500	-		3,000			23,500.0	69	69	-	-	69									
1	Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học Hòa Phú (giai đoạn 1)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8025853	14,998	14,998	-		8,000			6,998.0	8,000.000000	8,000.000000	-	-	6,823.044000	-	-	-	1,176.956000					
2	Trường mầm non Hòa Phước - khu vực Nhơn Thọ (giai đoạn 2)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8004019	10,000	10,000						10,000.0	958.767000	958.767000							958.767000					
3	Xây mới cơ sở chính Trường Mầm non Hòa Khương	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	7920869	14,998	14,998			9,000			5,998.0	1,000.000000	1,000.000000			1,000.000000									
4	Mở rộng Trường Mầm non Ánh Hồng	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu	8042348	2,540	190	2,350			2,540			432.222000	190.000000	242.222000			432.222000								
1	Trường mầm non Tuổi Thơ	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu	8073758	28,411	28,411	-	3,700	22,712			1,999.0	22,995.841000	22,995.841000		283.841000	22,712.000000									
2	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ (khối lớp học và phòng bộ môn)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8042346	19,000	19,000				19,000			546.000000	546.000000				546.000000								

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			PHÂN NGUỒN TRUNG ƯƠNG GIAO					PHÂN NGUỒN VỐN 1.589,271 TỶ ĐỒNG		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI PHÂN THEO NGUỒN								Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tăng thu ngân sách huyện Hòa Vang (cũ)			
						XL...	ĐB								XL...	ĐB										
3	Mua sắm thiết bị cấp Tiểu học và cấp THCS-UBND quận Thanh Khê (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT DN	BQL DA KV Thanh Khê	8043653	9,000	9,000	-			9,000				957.387422	957.387422			957.387422								
4	Nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Hoa Lư - Cơ sở 1	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT DN	BQL DA KV Thanh Khê	8024315	9,078	9,078	-	1,000		8,078				1,322.467208	1,322.467208			1,322.467208								
5	Mua sắm thiết bị cấp Tiểu học và cấp THCS-UBND huyện Hòa Vang (giai đoạn 1)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8094923	9,405	9,405	-	4,405	5,000					8,000.000000	8,000.000000		4,300.000000	3,700.000000								
6	Xây mới thay thế một số hạng mục và mở rộng diện tích trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8077902	3,050	2,050	1,000	1,050		2,000				2,114.991000	1,114.991000	1,000.000000	1,050.000000		1,064.991000							
7	Xây mới thay thế khối lớp học - Trường MN Hòa Mỹ (cơ sở 1)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8073027	2,122	2,122	-	1,772	278				72.0	62.025000	62.025000		-	43.958000			18.067000					
8	Mua sắm thiết bị giáo dục cấp Tiểu học và cấp THCS - UBND quận Cẩm Lệ (giai đoạn 1)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8090222	6,450	6,450	-		6,450					131	131	-	-	131	-	-	-	-				
9	Mở rộng Trường tiểu học Bạch Đằng	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu	8073756	4,681	-	4,681	200	4,481					4,681	-	4,681	200	4,481	-	-	-	-				
10	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8077771	1,050	1,050	-	1,021		29				607.077000	607.077000		580.000000		27.077000							
11	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Quang Trung (cơ sở 1)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8082678	3,550	3,550	-	3,021		529				8.169000	8.169000		8.169000		-							
12	Trường tiểu học Hà Huy Tập (Khối nhà hướng Nam)	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT DN	BQL DA KV Thanh Khê	8104208	2,643	2,643		410		2,233				1,308.189123	1,308.189123	-	360.000000	-	948.189123	-	-	-				
13	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Nguyễn Thái Học	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8082672	4,710	4,710		3,940		770				109.788000	109.788000		-		109.788000							
III	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	6 CT			3,995	3,995	0	2,395	0	1,600	0	0	0	2,839.878000	2,839.878000	-	2,395.000000	-	444.878000	-	-	-	-			
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế phường Hòa Thọ Đông	Sở Y tế	Sở Y tế	7761289	440	440		440						440.000000	440.000000		440.000000									
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế phường Thuận Phước	Sở Y tế	Sở Y tế	7830542	240	240		240						240.000000	240.000000		240.000000									
3	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế phường Thanh Khê Đông	Sở Y tế	Sở Y tế	7822902	550	550		550						550.000000	550.000000		550.000000									

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			PHÂN NGUỒN TRUNG ƯƠNG GIAO				PHÂN NGUỒN VỐN 1.589,271 TỶ ĐỒNG		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI PHÂN THEO NGUỒN								Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tăng thu ngân sách huyện Hòa Vang (cũ)			
						XL...	ĐB								XL...	ĐB										
4	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế phường Hòa Quý	Sơ Y tế	Sơ Y tế	7825134	465	465		465						465.000000	465.000000		465.000000									
5	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Hòa Phước	Sơ Y tế	Sơ Y tế	7829959	700	700		700						700.000000	700.000000		700.000000									
b	Các dự án chuyển tiếp	1 CT			1,600	1,600	0	0	0	1,600	0	0	0	444.878000	444.878000	-	-	-	444.878000	-	-	-	-			
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế phường Hoà Minh	Sơ Y tế	Sơ Y tế	7822985	1,600	1,600				1,600				444.878000	444.878000			444.878000								
1	Trung tu, tôn tạo di tích Đình làng Thạc Gián và mộ Tiên hiền	SVHTT&DL	SVHTT&DL	8073026	5,300	5,300							5,300.0	750.896507	750.896507							750.896507				
2	Trùng tu, tôn tạo Khu di tích Mẹ Nhu và Bảy Dũng sĩ Thanh Khê	SVHTT&DL	SVHTT&DL	8070241	1,500	1,500							1,500.0	203.046475	203.046475							203.046475				
3	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi di tích Đình Nại Nam	SVHTT&DL	SVHTT&DL	8096058	6,500	6,500		6,500						1,562.815000	1,562.815000		1,562.815000									
4	Khu công viên phía Tây Đền thờ Thoại Ngọc Hầu	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8056966	3,050	550	2,500	3,021		29				2,889.000000	389.000000	2,500.000000	2,860.000000		29.000000							
5	Khu công viên vườn dạo kết hợp cây xanh phường Thọ Quang	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8077770	5,030	5,030		5,001		29				12.000000	12.000000	-	12.000000		-							
6	Đầu tư cây xanh, vườn dạo khu đất CX1 thuộc khu dân cư Tô 12 phường Mân Thái (cuối đường Lê Văn Thứ)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8077769	1,030	30	1,000	30		1,000				1,030.000000	30.000000	1,000.000000	30.000000		1,000.000000	0						
7	Trung tâm văn hóa thể thao quận Sơn Trà (g/d 2) (Hồ bơi, bãi đậu xe, mở rộng sân tennis, cây xanh)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	8084963	2,010	2,010		1,010		1,000				1,718.000000	1,718.000000		718.000000		1,000.000000	0						
v	THỂ DỤC THỂ THAO	1 CT			10,000	10,000	0	9,950	50	0	0	0	0	6,526.314000	6,526.314000	-	6,476.314000	50.000000	-	-	-	-				
a	Các dự án khởi công mới	1 CT			10,000	10,000	0	9,950	50	0	0	0	0	6,526.314000	6,526.314000	-	6,476.314000	50.000000	-	-	-	-				
1	Cải tạo nâng cấp mặt sân cỏ của Sân bóng đá và khuôn viên sân vườn phía trước khán đài A sân bóng đá Hòa Xuân	SVHTT&DL	SVHTT&DL	8113909	10,000	10,000		9,950	50					6,526.314000	6,526.314000		6,476.314000	50.000000								
1	Trung tâm hành chính xã Hòa Bắc	BQL các DADT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	7923155	18,358	18,358	0	1,998	16,360					1,000.000000	1,000.000000		1,000.000000									

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			PHÂN NGUỒN TRUNG ƯƠNG GIAO				PHÂN NGUỒN VỐN 1.589.271 TỶ ĐỒNG		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI PHÂN THEO NGUỒN								Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tăng thu ngân sách huyện Hòa Vang (cũ)		
						XL....	ĐB								XL....	ĐB									
2	Trung tâm hành chính xã Hòa Phong (giai đoạn 1)	BQL các DABDT CSHTTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8010633	49,618.252	44,387.252	5,231	12,177	37,441.252					79.703056		79.703056	79.703056		-	-	-	-	-		
VII	QUỐC PHÒNG	3 CT			122,998	122,998	0	117,998	5,000	0	0	0	0	36,597.879000	36,597.879000	-	36,597.879000	-	-	-	-	-	-		
1	Doanh trại Hải đội Dân quân thường trực	BCH Quân sự TPĐN	BCH Quân sự TPĐN		89,998	89,998	0	84,998	5,000					26,000.000000	26,000.000000		26,000.000000								
2	Nhà làm việc cơ quan kết hợp Trung tâm Sơ chỉ huy/Bộ CHQS thành phố Đà Nẵng/Quận khu 5	BCH Quân sự TPĐN	BCH Quân sự TPĐN		20,000	20,000		20,000						9,208.562000	9,208.562000		9,208.562000								
b	Các dự án khởi công mới	1 CT			13,000	13,000	0	13,000	0	0	0	0	0	1,389.317000	1,389.317000	-	1,389.317000	-	-	-	-	-	-		
1	Hội trường, Nhà để xe + xưởng, Kho vũ khí/Ban CHQS quận Cẩm Lệ	BCH Quân sự TPĐN	BCH Quân sự TPĐN		13,000	13,000		13,000						1,389.317000	1,389.317000		1,389.317000								
1	Trụ sở Công an xã Hòa Phước	CATP ĐN	CATP ĐN		7,000	7,000		7,000						732.279900	732.279900		732.279900								
2	Trung tâm thông tin chỉ huy và Trung tâm an ninh mạng thuộc CATP Đà Nẵng	CATP ĐN	CATP ĐN		15,000	15,000		15,000						1,248.020761	1,248.020761		1,248.020761								
3	Hội trường + Kho hậu cần - Kỹ thuật thuộc CATP Đà Nẵng	CATP ĐN	CATP ĐN		10,000	10,000		10,000						1,016.347100	1,016.347100		1,016.347100								
4	Mở rộng nhà tạm giữ Công an quận Liên Chiểu	CATP ĐN	CATP ĐN		7,197	7,197	0	7,197						3,517.159070	3,517.159070		3,517.159070								
5	Mở rộng nhà tạm giữ Công an quận Sơn Trà	CATP ĐN	CATP ĐN		3,897	3,897	0	3,897						597.528800	597.528800		597.528800								
6	Mở rộng nhà tạm giữ Công an quận Hải Châu	CATP ĐN	CATP ĐN		3,680	3,680	0	3,680						884.455000	884.455000		884.455000								
7	Dự án hiện đại hóa trung tâm chỉ huy kết hợp hệ thống camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự giao thông và các phần mềm quản lý thông minh (giai đoạn 1)	CATP ĐN	CATP ĐN		90,000	90,000	0	53,238	36,762					50,982.717700	50,982.717700		50,982.717700								
8	Đền bù giải tỏa để đầu tư công trình Nhà tạm giữ, kho vật chứng và khu giữ xe vi phạm trật tự an toàn giao thông Công an huyện Hòa Vang	CATP ĐN	CATP ĐN		283.05189		283.05189	283.05189						9.246830		9.246830	9.246830								

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			PHÂN NGUỒN TRUNG ƯƠNG GIAO				PHÂN NGUỒN VỐN 1.589,271 TỶ ĐỒNG		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI PHÂN THEO NGUỒN								Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tăng thu ngân sách huyện Hòa Vang (cũ)		
						XL...	ĐB								XL...	ĐB									
9	Mua sắm trang thiết bị cho lực lượng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao	CATP ĐN	CATP ĐN		7,000.000	7,000.000		7,000.000						7,000.000000	7,000.000000		7,000.000000								
IX	CHI HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH TẠI TỈNH QUẢNG NAM VÀ CÁC TỈNH NAM LÃO	1 CT			1,000	1,000	0	1,000	0	0	0	0	0	864.224000	864.224000	-	864.224000	-	-	-	-	-			
a	Các dự án khởi công mới	1 CT			1,000	1,000	0	1,000	0	0	0	0	0	864.224000	864.224000	-	864.224000	-	-	-	-	-			
1	Nâng cấp Trường Tiểu học Hữu nghị của Hội người Việt Nam tại tỉnh Salavane lên thành Trường Tiểu học và Trung học Hữu nghị	TT Phát triển Hợp tác Quốc tế và Dịch vụ đối ngoại ĐN	BQL các DA ĐTCSHTU T	7933637	1,000	1,000	0	1,000						864.224000	864.224000		864.224000								
X	HỖ TRỢ CHO HUYỆN HÒA VANG (CŨ) ĐỂ ĐẦU TƯ BỔ SUNG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH THEO CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI				200,000	200,000			200,000					47,824.203940	47,824.203940			47,824.203940							
1	Khu vực Quận Hải Châu (cũ)				60,037	60,037	0	3,728					56,309	25,920.927000	25,920.927000	-	2,894.816000					23,026.111000		Chi tiết theo biểu đính kèm	
2	Khu vực quận Thanh Khê (cũ)				11,447	6,900	4,547	10,493					954	913.317302	572.005739	341.311563	913.317302					-		Chi tiết theo biểu đính kèm	
3	Khu vực Quận Sơn Trà (cũ)				2,805	2,805	0	1,040					1,765	259.611000	259.611000	-	34.185000					225.426000		Chi tiết theo biểu đính kèm	
4	Khu vực Quận Cẩm Lệ (cũ)				18,535	18,535	0	15,535					3,000	2,614.628179	2,614.628179	0.000000	1,700.173779					914.454400		Chi tiết theo biểu đính kèm	
5	Khu vực Huyện Hòa Vang (cũ)				70,325	70,325		70,325						15,508.158272	15,508.158272		15,508.158272							Chi tiết theo biểu đính kèm	
B	KHAI THÁC QUỸ ĐẤT	3 CT			12,300	-	12,300	-	12,300	-	-	-	-	12,300.000000	-	12,300.000000	-	12,300.000000	-	-	-	-	-		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024	1 CT			1,000	-	1,000	-	1,000	-	-	-	-	1,000.000000	-	1,000.000000	-	1,000.000000	-	-	-	-	-		
1	KDC dọc tuyến cống thoát nước Thọ Quang biển đông	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà	7309496	1,000		1,000		1,000					1,000.000000	-	1,000.000000		1,000.000000							
b	Các dự án chuyển tiếp	2 CT			11,300	-	11,300	-	11,300	-	-	-	-	11,300.000000	-	11,300.000000	-	11,300.000000	-	-	-	-	-		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			PHÂN NGUỒN TRUNG ƯƠNG GIAO				PHÂN NGUỒN VỐN 1.589,271 TỶ ĐỒNG		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 KÉO DÀI PHÂN THEO NGUỒN								Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Ngân sách trung ương	Tiết kiệm chi tiền sử dụng đất năm 2023	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tăng thu ngân sách huyện Hòa Vang (cũ)		
						XL....	ĐB								XL....	ĐB									
1	Nhà ở công nhân và Khu đô thị liền kề KCN Hoà Khánh (khu đô thị xanh Dragon-Park) (khu vực huyện Hòa Vang)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	7260106	11,000	-	11,000		11,000					11,000.000000	-	11,000.000000	-	11,000.000000	-	-	-	-	-		
2	Khu Kho vũ khí Vùng 3 - Hải quân tại xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	7146195	300		300		300					300.000000	-	300.000000	-	300.000000	-	-	-	-	-		
C	TĂNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN HÒA VANG (CŨ)													6,050.000000	6,050.000000								6,050.000000		

Phụ lục 7a: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 SANG NĂM 2025 - CÁC CÔNG TRÌNH DÂN SINH TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN HẢI CHÂU (CŨ)

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			Phân nguồn KHV 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Phân nguồn KHV kéo dài		Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	
						XL...	ĐB				XL...	ĐB			
	TỔNG SỐ				60,037	60,037	0.00	3,727.74	56,309.03	25,920.9270000	25,920.9270000	0.0000000	2,894.8160000	23,026.1110000	
1	Cải tạo, nâng cấp cống thoát nước và nền đường các tuyến đường, kiệt, hẻm phường Bình Thuận năm 2024	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu		1,400	1,400		1,400		839.839	840		840		
2	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè và thoát nước đường Lê Bá Trinh và Lê Vĩnh Huy	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu		5,700	5,700			5,700	2385.709	2,386			2,386	
3	Xây mới khu C và cải tạo trường THCS Trần Hưng Đạo	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu		11,289	11,289			11,289	6148.986	6,149			6,149	
4	Xây mới khối hiệu bộ và phòng học trường Mầm non Dạ Lan Hương	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu		11,400	11,400			11,400	6013.217	6,013			6,013	
5	Xây mới khối hiệu bộ và cải tạo trường tiểu học Lê Quý Đôn	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu		11,000	11,000			11,000	3838.864	3,839			3,839	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024			Phân nguồn KHV 2024		Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Phân nguồn KHV kéo dài		Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	
						XL...	ĐB				XL...	ĐB			
6	Xây mới khối hiệu bộ và phòng học Trường THCS Kim Đồng	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu		10,800	10,800			10,800	3817.411	3,817			3,817	
7	Xây mới hành lang nối trường tiểu học Nguyễn Du	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu		1,711	1,711			1,711	268.639	269			269	
8	Cải tạo trụ sở UBND phường Hoà Thuận Tây	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Hải Châu		6,736.762	6,736.762		2,327.737	4,409.025	2608.262	2,608.262		2,054.977	553.285	

Phụ lục 7b: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 SANG NĂM 2025 - CÁC CÔNG TRÌNH DÂN SINH TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN THANH KHÊ (CỦ)

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn 2024					Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài					Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	
						XL...	ĐB				XL...	ĐB			
	Tổng cộng				11,447.00	6,900.00	4,547.00	10,493.0	954.0	913.317302	572.005739	341.311563	913.317302	-	
1	Nâng cấp, mở rộng các đường kiệt hẻm trên địa bàn quận Thanh Khê năm 2023	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT ĐN	BQL DA KV Thanh Khê	8027128	5,417.00	4,000.00	1,417.00	5,417.00		5.767570	-	5.767570	5.767570		
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng kiệt K19 Trần Xuân Lê, phường Hòa Khê	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT ĐN	BQL DA KV Thanh Khê	8028745	3,504.00	1,900.00	1,604.00	2,950.00	554.00	431.799540	388.255547	43.543993	431.799540		
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư Tân sinh A1-2, phường Chính Gián	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT ĐN	BQL DA KV Thanh Khê	8096070	900.00	900.00		900.0		131.620243	131.620243		131.620243		
4	Cải tạo, nâng cấp mở rộng kiệt 298 Lê Duẩn, phường Tân Chính	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT ĐN	BQL DA KV Thanh Khê	8078771	1,626.00	100.00	1,526.00	1,226.0	400.0	344.129949	52.129949	292.000000	344.129949		

Phụ lục 7c: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 SANG NĂM 2025 - CÁC CÔNG TRÌNH DÂN SINH TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN SƠN TRÀ (CŨ)

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024					Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài					Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó:		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	
						XL	ĐB				XL	ĐB			
	Tổng số				2,805.0	2,805.0	0	1,040.0	1,765	259.611000	259.611000	0.000000	34.185000	225.426000	
1	Nhà vệ sinh phục vụ cho khối nhà thi đấu, bể bơi và sân bóng, cải tạo nhà vệ sinh học sinh trường TH Tiểu La	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà		1,040	1,040		1,040		34.185000	34.185000		34.185000		
2	Cải tạo mặt đường, mương thoát nước tổ 45 khu vực Thành Vinh 3 phường Thọ Quang	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà		935	935		935		112.567000	112.567000			112.567000	
3	Đầu tư, nâng cấp công viên, vườn dạo trên địa bàn phường Mân Thái (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	BQL DA ĐTXD KV Sơn Trà		830	830		830		112.859000	112.859000			112.859000	

Phụ lục 7d: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 SANG NĂM 2025 - CÁC CÔNG TRÌNH DÂN SINH TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẨM LỆ (CỦ)

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024					Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài					Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	
						XL...	ĐB				XL...	ĐB			
	TỔNG CỘNG				18,534.55	18,534.55	-	15,534.55	3,000.00	2,614.628179	2,614.628179	-	#####	914.454400	
1	Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng phường Hòa An	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8014016	143.55	143.55	-	143.55	-	25.838479	25.838479	-	25.838479	-	
2	Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng phường Hòa Thọ Tây	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8005883	354.00	354.00	-	354.00	-	30.514500	30.514500	-	30.514500	-	
3	Kè chống sạt lở đất tại khu vực tổ 26 phường Hòa Thọ Tây	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8090227	600.00	600.00	-	600.00	-	27.000000	27.000000		27.000000		
4	Cải tạo đường bê tông và mương thoát nước tổ 29, 30, 31 phường Hoà Thọ Tây (K12 Trường Sơn)	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8090226	300.00	300.00	-	300.00	-	101.949000	101.949000	-	101.949000	-	
5	Cải tạo đường bê tông tổ 23,24,25,27,28,33 phường HTTây	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8090234	900.00	900.00	-	-	900.00	64.454400	64.454400	-	-	64.454400	
6	Cải tạo khối phòng học, vệ sinh, xây mới tường rào trường THCS Nguyễn Công Trứ	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	7973333	543.00	543.00	-	543.00	-	305.000000	305.000000	-	305.000000	-	
7	Nhà đa năng Trường TH Ông Ích Đường	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8056491	3,954.00	3,954.00	-	3,954.00	-	111.982000	111.982000	-	111.982000	-	
8	Cải tạo khuôn viên, tường rào, hệ thống mương thoát nước trường THCS Đặng Thai Mai	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ		300.00	300.00	-	-	300.00	300.000000	300.000000			300.000000	
9	Công viên, vườn dạo khu C giai đoạn 1 -Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ (Lô đất kí hiệu X2-1)	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	7988789	1,782.00	1,782.00	-	1,782.00	-	506.000000	506.000000		506.000000		
10	Công viên, vườn dạo khu D (Lô đất kí hiệu CX2-1)-Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	7997924	1,227.00	1,227.00	-	1,227.00	-	74.500000	74.500000	-	74.500000	-	
11	Trung tâm văn hóa thể thao phường Hòa Xuân (giai đoạn 2)	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8005881	60.00	60.00	-	60.00	-	60.000000	60.000000	-	60.000000	-	
12	Sửa chữa, cải tạo các nhà hộp tổ trên địa bàn phường Hòa Thọ Đông	BQL các DAĐT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8062641	781.00	781.00	-	781.00	-	119.709000	119.709000	-	119.709000	-	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024					Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài					Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	Tổng số	Trong đó		Ngân sách tập trung	Tiết kiệm chi các nguồn khác, tăng thu thuế, phí khác và kết dư năm 2023	
						XL...	ĐB				XL...	ĐB			
13	Sửa chữa, cải tạo các nhà họp tổ trên địa bàn phường Khuê Trung	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8062644	1,109.00	1,109.00	-	1,109.00	-	125.000000	125.000000		125.000000		
14	Sửa chữa, cải tạo nhà họp tổ trên địa bàn phường Hoà Thọ Tây	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8090229	700.00	700.00	-	700.00	-	16.333800	16.333800	-	16.333800		-
15	Tủ điện chiếu sáng công cộng kết nối về Trung tâm điều khiển các công viên, vườn dạo trên địa bàn quận Cẩm Lệ	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8106246	1,000.00	1,000.00	-	-	1,000.00	520.000000	520.000000			520.000000	
16	Cải tạo phòng làm việc TCKH, Ban GPMB quận	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8056492	436.00	436.00	-	436.00	-	100.358000	100.358000	-	100.358000		-
17	Cải tạo một số hạng mục UBND phường Hòa Xuân	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8056484	1,673.00	1,673.00	-	1,673.00	-	68.935000	68.935000	-	68.935000		-
18	Cải tạo một số hạng mục UBND phường Hòa An	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8062861	1,872.00	1,872.00	-	1,872.00	-	27.054000	27.054000	-	27.054000		
19	Cải tạo một số hạng mục UBND phường Hòa Thọ Đông	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Cẩm Lệ	8102375	800.00	800.00	-	-	800.00	30.000000	30.000000			30.000000	

Phụ lục 7d: DANH MỤC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 SANG NĂM 2025
- CÁC CÔNG TRÌNH VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN HOÀ VANG (CŨ)

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						XL...	ĐB		XL...	ĐB	
	TỔNG SỐ	68 CT			187,335.310	161,231.310	26,104.000	69,382.162	62,883.446	6,498.716	
I	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ PHÂN CẤP				37,398.663	26,474.663	10,924.000	15,507.958	10,420.986	5,086.972	
1	Bĩa chiến tích Trung đội nữ Lê Thị Hồng Gấm	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8083850	1,349	1,000	349	402.750	54.529	348.221	Tắt toán HM xây lắp, chưa hoàn thành HM đền bù
2	Nhà chuồng Khu CCCM Huyện uỷ	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8102365	770	770		34.460	34.460		DAHT
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng tránh thiên tai tại thôn Phú Túc, xã Hoà Phú	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113265	3,000	3,000		1,030.740	1,030.740		
4	Sân vận động xã Hoà Châu	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8111975	1,000	1,000		657	657		
5	Tuyến đường từ Quốc lộ 14B - Hội trường - Nhà ông Giáo	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8044576	2,500	1,500	1,000	176.786		176.786	
6	Các tuyến kênh mương và đường giao thông nội đồng ở phía Tây và phía Đông Đài phát sóng An Hải tại thôn Tây An, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8080905	2,200	925	1,275	1800.080	531.513	1,268.567	
7	Các tuyến mương đồng thôn Giảng Đông	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101073	957.663	957.663		63.271	63.271		DAHT
8	Đầu tư tuyến kênh phục vụ sản xuất của thôn Cẩm Toại Trung và Cẩm Toại Đông	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101670	950	950		129.775	129.775		
9	Điện chiếu sáng cảnh quan Công viên Nghĩa trang Hoà Phong	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101072	580	580		28.632	28.632		DAHT
10	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng trang trí cầu dây Văng	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101063	1,500	1,500		851	851		
11	Mở rộng tuyến đường từ chợ Yển Nê 1 đến mộ ông Nguyễn Bá Thanh	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8078396	7,500	2,500	5,000	1,503.179	1,503.179		
12	Đầu tư đường bê tông, mương thoát nước từ trục chính thôn Tây An đến nhà văn hoá thôn	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8090449	1,450	450	1,000	1,343.586	343.586	1,000	
13	Tuyến đường từ thôn Trà Kiềm đến giáp đường liên thôn từ Giảng Nam 1 lên thôn Nhơn Thọ 1 (Gạch Tuynen)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101673	5,000	2,700	2,300	4,699.350	2,405.952	2,293.398	
14	Đường vào Trảng Bà Đai (ngõ bà Huỳnh Thị Sự - Đường 7,5m Cẩm Toại Tây)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8111973	900	900		99.615	99.615		DAHT

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						XL...	ĐB		XL...	ĐB	
15	Tuyến đường kết nối từ đường 355 - Hồ Đê đi thôn Phú Sơn 2 (Bãi trắng) đến thôn 5	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113261	2,500	2,500		1,571.649	1,571.649		
16	Đường vào Nghĩa trang Lê Sơn	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113269	540	540		53.250	53.250		
17	Đường vào nghĩa trang thôn Tân Hạnh	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113270	252	252		33.689	33.689		
18	Kè chống sạt lở tuyến đường tổ 3 thôn Thạch Nham Đông, hồ dư, đường bê tông đoạn từ QL 14B đi QL 14G (cạnh trụ sở Công an xã Hoà Nhơn)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113908	450	450		64.668	65		DAHT
19	Nâng cấp, cải tạo hội trường, căn tin UBND huyện	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8111974	2,500	2,500		404.578	404.578		
20	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường UBND xã Hoà Tiến	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8111972	900	900		295.876	296		
21	Kho vật chứng	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8111971	600	600		264.024	264		DAHT
II	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				138,593.647	123,413.647	15,180.000	47,824.204	46,412.460	1,411.744	
1	Trường tiểu học Hòa Phước thôn Quá Giáng	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8028094	1,600	1,600		237.010	237.010		
2	Trường THCS Trần Quang Khải	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8062868	1,900	1,900		371.658	371.658		DAHT
3	Cải tạo Trường THCS Ông Ích Đường	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8066713	3,100	3,100		150	150		
4	Trường mầm non Hoà Nhơn khu vực Phú Hoà (giai đoạn 2)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8108079	7,390.283	7,390.283		2899.796	2,899.796		
5	Trường tiểu học số 2 Hoà Tiến, điểm trường Lê Sơn Bắc	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8098836	9,100	9,100		4236.353	4,236.353		
6	Trường tiểu học An Phước thôn Bò Bán	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8071232	7,600	4,000	3,600	3570.061	3,570.061		
7	Phòng bộ môn Trường THCS Nguyễn Phú Hường	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8082670	7,800	7,800		115.804	115.804		DAHT
8	Trường Tiểu học số 1 Hoà Sơn điểm trường thôn Xuân Phú	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101068	7,601.36	7,601.36		4722.326	4,722.326		
9	Nhà văn hoá, khu thể thao thôn Bò Bán	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101062	4,000	4,000		2122.349	2,122.349		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						XL...	ĐB		XL...	ĐB	
10	Nhà văn hóa thôn Tây An	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8108078	3,500	3,500		2427.072	2,427.072		
11	Khu văn hoá thể thao vườn dạo thôn Bàu Cầu	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8085861	6,000	6,000		3030.433	3,030.433		
12	Nhà văn hoá thôn Lệ Sơn 2	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113907	2,803.892	2,803.892		1507.822	1,507.822		
13	Khu thể thao thôn Lệ Sơn Nam	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8085862	900	900		36.564	36.564		DAHT
14	Đầu tư mua sắm thiết bị tập luyện thể dục thể thao ngoài trời cho các thôn trên địa bàn huyện (giai đoạn 2)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8086234	2,500	2,500		1705	1,705		
15	Khu thể thao thôn Hương Phước	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8111969	1,300	1,300		846	846		DAHT
16	Nâng cấp Sân vận động xã Hoà Phước	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113266	2,000	2,000		986	986		
17	Mương thoát nước khu dân cư Nồng khô ra đường ĐT 409	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8051199	920	920		47.821	47.821		DAHT
18	Mương thoát nước từ ĐH 409 đi nhà ông Tích, thôn Cồn Mong	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8080902	1,200	1,200		168.969	168.969		DAHT
19	Mương thoát nước trục chính đường liên thôn Đông Sơn đi Trung Nghĩa	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8080904	650	650		89.420	89.420		DAHT
20	Mương thoát nước thôn Bồ Bàn	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8052040	1,350	1,350		123.565	123.565		DAHT
21	Đầu tư hệ thống mương thoát nước tại những đoạn chưa có hệ thống mương thoát nước tuyến đường liên thôn Xuân Phú - Phú Thượng	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8071231	2,000	2,000		75.623	75.623		DAHT
22	Đầu tư hệ thống mương thu nước dọc tuyến đường ĐH 5	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8062413	2,000	2,000		235.477	235.477		
23	Đầu tư xây dựng các điểm tập kết rác hợp vệ sinh trên địa bàn huyện Hoà Vang	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8085860	840	840		107.969	107.969		
24	Mương thoát nước kiệt 6 và kiệt 10 thôn Cẩm Nê	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101669	780	780		69.690	69.690		DAHT
25	Tuyến mương thoát nước thôn Thạch Bồ, Tuý Loan Đông 2 xã Hoà Phong	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8111976	900	900		276.778	276.778		DAHT
26	Nâng cấp tuyến đường giao thông ĐH 4 đi đường Vành Đai	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8036409	3,000	1,400	1,600	1411.744		1,411.744	

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						XL...	ĐB		XL...	ĐB	
27	Tuyến đường từ Gò Quảng đến đường Hoà Phước - Hoà Khương	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8043657	9,950	6,000	3,950	751.092	751.092		
28	Đường trục chính thôn Quả Giảng 2, từ nhà ông Sơn đến nhà ông Cui	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8046451	4,400	1,500	2,900	1445.063	1,445.063		
29	Tuyến đường liên thôn An Ngãi Tây 2	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8062414	6,250	3,750	2,500	2875.945	2,875.945		
30	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Tổ 3 thôn Cẩm Nê	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8035175	2,200	2,200		196.470	196.470		
31	Nâng cấp tuyến đường từ công chào Nhơn Thọ 2 đi liên thôn Nhơn Thọ 1, Tân Hạnh	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8102366	2,730	2,400	330	1973.912	1,973.912		
32	Tuyến đường nối Trung tâm hành chính huyện với đường ĐH 5	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8098837	710	710		72.751	72.751		DAHT
33	Sửa chữa tuyến đường từ nhà ông Phán đến đường ĐH 2 thôn Phước Hưng	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8113263	1,300	1,000	300	859.364	859.364		
34	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Tiến	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8083847	3,500	3,500		38.887	38.887		
35	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Nhơn	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8084957	3,400	3,400		201.025	201.025		
36	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Ninh	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8083846	1,400	1,400		74.005	74.005		DAHT
37	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Phú	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8084956	1,400	1,400		108.959	108.959		
38	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Bắc	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8083848	920	920		147.634	147.634		
39	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Phước	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8101069	2,400	2,400		908.514	908.514		
40	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Khương	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8101070	2,200	2,200		382.640	382.640		DAHT
41	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Sơn	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8101067	2,100	2,100		1022.441	1,022.441		
42	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng kiệt hẻm trên địa bàn xã Hoà Liên	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8101064	2,600	2,600		1016.589	1,016.589		
43	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng trên địa bàn xã Hoà Nhơn (giai đoạn 2)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hoà Vang	8101066	1,450	1,450		562.207	562.207		DAHT

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Mã dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						XL...	ĐB		XL...	ĐB	
44	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng trên địa bàn xã Hoà Phong (giai đoạn 2)	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113260	2,748.112	2,748.112		1301.446	1,301.446		
45	Tu sửa, nâng cấp hồ Hóc Bò thôn Đông Lâm xã Hoà Phú	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101071	3,400	3,400		2174.384	2,174.384		
46	Nâng cấp, sửa chữa khe đập thôn Lộc Mỹ, xã Hoà Bắc	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8101065	800	800		139.572	139.572		DAHT
III	TĂNG THU NGÂN SÁCH				11,343	11,343	-	6,050	6,050		
	Trường Tiểu học số 1 Hòa Châu khu vực thôn Quang Châu	BQL các DABT CSHTUT	BQL các DA ĐTXD KV Hòa Vang	8113267	11,343	11,343		6050	6050		

DANH MỤC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 SANG NĂM 2025
- CÁC NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (CŨ)

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Đơn vị đề xuất/thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		
				Nguồn NSTT	Nguồn SDD		Nguồn NSTT	Nguồn SDD	
	TỔNG SỐ (A+B+C)	2 CT	1,711	863	848	1,711.220	863.220	848.000	
A	CÁC DỰ ÁN XDCB	2 CT	1,711	863	848	1,711.220	863.220	848.000	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	1 CT	898	50	848	898.000	50.000	848.000	
I.1	GIAO THÔNG	1 CT	898	50	848	898.000	50.000	848.000	
1	Quy hoạch chuyên ngành giao thông đô thị	Sở Xây dựng	898	50	848	898.000	50.000	848.000	
IX	CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐẦU TƯ CÔNG	1 CT	813	813	-	813.220	813.220	-	
1	Quy hoạch TPĐN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050								
	- Sở Công Thương	Sở Công Thương	314	314		314.000	314.000		

TT	Danh mục công trình	Đơn vị đề xuất/thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2024			Kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:		
				Nguồn NSTT	Nguồn SDD		Nguồn NSTT	Nguồn SDD	
	- Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở GDĐT	44.22	44		44.220	44.220		
	- UBND quận Hải Châu (cũ)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	80	80		80.000	80.000		Bố trí vốn đề TQT
	- UBND quận Thanh Khê (cũ)	Ban QLDA ĐTXD CCT DD,CN và HTKT ĐN	80	80		80.000	80.000		Bố trí vốn đề TQT
	- UBND quận Sơn Trà (cũ)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT&NN	215	215		215.000	215.000		Bố trí vốn đề TQT
	- UBND huyện Hòa Vang (cũ)	BQL các DAĐT CSHTUT	80	80		80.000	80.000		Bố trí vốn đề TQT

Phụ lục 9

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NSTW NĂM 2024 ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025 TỈNH QUẢNG NAM HỢP NHẤT VÀO KẾ HOẠCH CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục nguồn vốn	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Quyết định đầu tư dự án			Tổng kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025	Ghi chú
				Số QĐ ban hành	TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ				2,785,735	2,096,991	241,937	
1	VỐN TRONG NƯỚC				2,496,744	1,808,000	117,413	
a	Vốn hỗ trợ mục tiêu theo ngành, lĩnh vực				2,496,744	1,808,000	117,413	
1	Đường giao thông kết nối các tiểu vùng sản xuất nguyên liệu nông - lâm nghiệp với các khu, cụm công nghiệp Quế Sơn	BQL dự án ĐTXD tỉnh Quảng Nam	7895175	865-31/3/21	339,984	150,000	74,680	
2	Hoàn thiện đường ven biển 129 (đường Võ Chí Công)	ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Nam	7890481	1416-25/05/22	2,056,760	1,558,000	24,075	
3	Đầu tư ổn định đời sống và sản xuất người dân vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4	BQL dự án ĐTXD tỉnh Quảng Nam	7942739	09-05/01/22	100,000	100,000	18,659	
2	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KTXH				288,991	288,991	124,524	
a	Đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật, viện và bệnh viện cấp TW				288,991	288,991	124,524	
1	Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Quảng Nam	BQL dự án ĐTXD tỉnh Quảng Nam	8018843	3327-31/12/2024	92,000	92,000	20,968	
2	Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị 76 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Quảng Nam		8019020	3088-23/12/2024	196,991	196,991	103,556	

Phụ lục 10

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG CỦA TỈNH QUẢNG NAM CŨ DO KHỐI SỞ NGÀNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ HỢP NHẤT VÀO KẾ HOẠCH VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ MỚI

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	MSDA	Kế hoạch năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025						Ghi chú
			Tổng	Trong đó:					
				NSTW	Ngân sách thành phố				
					Tổng	NSTT	Nguồn TKC	Nguồn thu sử dụng	
	TỔNG CỘNG TOÀN TỈNH		60,591	52,971	7,620	5,622	404	1,594	
I	CTMTQG giảm nghèo bền vững		38,313	33,183	5,130	3,132	404	1,594	
1	Trường Cao đẳng Quảng Nam		12,046	10,355	1,691	1,691	-	-	
-	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo khối nhà Giảng đường A, khối nhà Giảng đường B, khu nhà vệ sinh khu Giảng đường C, ký túc xá HS, SV khu 3, 4 cơ sở Hùng Vương	8059157	584	468	116	116			
-	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo khối các công trình nhà xưởng thực hành, khối học tập - giảng đường, khối ký túc xá học sinh nữ, nhà ăn học sinh Trung tâm đào tạo miền núi Quảng Nam	8061121	392	270	123	123			

TT	Nội dung	MSDA	Kế hoạch năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025						Ghi chú
			Tổng	Trong đó:					
				NSTW	Ngân sách thành phố				
					Tổng	NSTT	Nguồn TKC	Nguồn thu sử dụng	
-	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Cải tạo khối công trình nhà xưởng thực hành, khối nhà học lý thuyết Trung tâm đào tạo Nam Quảng Nam (tại huyện Núi Thành)”.	8122932	4,400	3,826	574	574			
-	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Xây mới nhà vệ sinh nam, nữ khối nhà học lý thuyết; làm mới hệ thống phòng cháy chữa cháy trong và ngoài nhà khối nhà xưởng thực hành, khối nhà học lý thuyết, nhà ở nội trú, hội trường Trung tâm đào tạo Nam Quảng Nam (tại huyện Núi Thành).	8126884	1,200	1,042	158	158			
-	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Xây dựng mới nhà vệ sinh nam, nữ khối giảng đường B cơ sở 431 Hùng Vương; sửa chữa, làm mới hệ thống phòng cháy chữa cháy trong và ngoài nhà cơ sở 431 Hùng Vương, cơ sở 224 Huỳnh Thúc Kháng (tại thành phố Tam Kỳ)	8126885	3,269	2,838	431	431			
-	Trường Cao đẳng Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), Hạng mục: Sửa chữa, làm mới hệ thống phòng cháy chữa cháy trong và ngoài nhà các trung tâm đào tạo trực thuộc trường: Trung tâm Đào tạo miền núi Quảng Nam, Trung tâm Đào tạo Bắc Quảng Nam, Trung tâm Đào tạo Duy Xuyên.	8126262	2,200	1,911	289	289			
2	Trường Cao đẳng Y tế thành phố		21,948	19,086	2,863	1,014	404	1,444	

TT	Nội dung	MSDA	Kế hoạch năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025						Ghi chú
			Tổng	Trong đó:					
				NSTW	Ngân sách thành phố				
					Tổng	NSTT	Nguồn TKC	Nguồn thu sử dụng	
-	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam (Tiểu dự án 1 - Dự án 4), hạng mục: Nâng cấp khối giảng đường C, D và khối trung tâm thực hành kỹ thuật Y học	8006096	7,688	6,688	1,000			1,000	
-	Mua sắm TTB phục vụ giảng dạy cho các ngành, nghề: Điều dưỡng, Dược, Hộ sinh, kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học (Thuộc TDA 1 của DA 4 thuộc CTMTGNBV GD 2021-2025)	8080352	10,860	9,442	1,418	1,014	404		
-	Nâng cấp Khu nhà ở sinh viên Trường Cao đẳng y tế Quảng Nam (Số 04C-Lê Lợi)	8064786	3,400	2,956	444			444	
3	Trung tâm dịch vụ việc làm thành phố		4,319	3,742	577	427	-	150	
-	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ Sàn giao dịch việc làm	8047817	1,140	990	150			150	
-	Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành Sàn giao dịch việc làm trực tuyến và quản lý các cơ sở dữ liệu.	8100751	3,179	2,752	427	427			
II	Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và Miền núi		22,278	19,788	2,490	2,490	-	-	
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo		21,847	19,745	2,102	2,102	-	-	
-	Xây dựng Trung tâm giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao	8016496	583	57	526	526			

TT	Nội dung	MSDA	Kế hoạch năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025						Ghi chú
			Tổng	Trong đó:					
				NSTW	Ngân sách thành phố				
					Tổng	NSTT	Nguồn TKC	Nguồn thu sử dụng	
-	Dự án Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Co	8057571	6,367	5,467	900	900			
-	Dự án Cấu trúc làng và sắp xếp, bố trí dân cư vùng dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới đối với đồng bào dân tộc Cơ Tu	8057570	7,209	7,209	-	-			
-	Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và miền núi	8057326	7,688	7,012	676	676			
2	Sở Giáo dục và Đào tạo		431	43	388	388	-	-	
-	Trường PTDTNT Nam Trà My	8002055	1	-	1	1			
-	Trường PTDTNT Phước Sơn	8088655	2	-	2	2			
-	Trường PTDTNT tỉnh	8084769	428	43	385	385			

Phụ lục 11

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024 KÉO DÀI SANG NĂM 2025 CỦA TỈNH QUẢNG NAM CŨ
GIAO ỦY QUYỀN UBND THÀNH PHỐ ĐIỀU CHỈNH, HỢP NHẤT**

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Đã phân cấp cho cấp huyện cũ	MSDA	Thời gian thực hiện (KC-KT)	Quyết định giao KHV ngân sách tỉnh năm 2024 của UBND tỉnh	KHV NS tỉnh năm 2024 kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó Nguồn TP Đà Nẵng hỗ trợ	
	TỔNG SỐ					4,242	4,242	
I	Nghị quyết 68/NQ-HĐND về nâng cấp, cải tạo NTLS					4,242	4,242	
1	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ xã Tam Hiệp	UBND huyện Núi Thành	8100044	2024-2026	2075-05/9/2024	1,000	1,000	
2	Nghĩa trang liệt sĩ xã Điện Thọ	UBND thị xã Điện Bàn	8090602	2024-2025	2075-05/9/2024	1,000	1,000	
3	Nghĩa trang liệt sĩ xã Đại Chánh; hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa mộ trong nghĩa trang	UBND huyện Đại Lộc	8094176	2024-2026	2630-4/11/2024; 2075-05/9/2024	1,077	1,077	
4	Nghĩa trang liệt sĩ xã Đại Hòa ; Hạng mục: Xây mới tường rào 3 mặt, hệ thống điện chiếu sáng , nước tưới , cây xanh (Đà Nẵng hỗ trợ)	UBND huyện Đại Lộc	8096189	2024	2630-4/11/2024	243	243	

TT	Danh mục dự án	Đã phân cấp cho cấp huyện cũ	MSDA	Thời gian thực hiện (KC-KT)	Quyết định giao KHV ngân sách tỉnh năm 2024 của UBND tỉnh	KHV NS tỉnh năm 2024 kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó Nguồn TP Đà Nẵng hỗ trợ	
5	Nghĩa trang liệt sĩ xã Tam Phước; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp tượng đài, tường rào	UBND huyện Phú Ninh	8093336	2024	2075-05/9/2024	122	122	
6	Nghĩa trang liệt sĩ xã Đại Cường; hạng mục: Xây mới 02 nhà bia, nâng cấp sân hành lễ, hệ thống điện chiếu sáng, nước tưới, cây xanh; xây mới tượng đài	UBND huyện Đại Lộc	8099596	2024	2630-4/11/2024; 2075-05/9/2024	800	800	

Phụ lục 12

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022, 2023, 2024 KÉO DÀI SANG NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG (BAO GỒM VỐN NSTW) CỦA TỈNH QUẢNG NAM (CŨ) GIAO ỦY QUYỀN UBND THÀNH PHỐ ĐIỀU CHỈNH, HỢP NHẤT

(Đính kèm Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025			Ghi chú
		Tổng	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh	
	TỔNG CỘNG	411,410	293,137	118,274	-
I	CTMTQG giảm nghèo bền vững	231,772	180,991	50,782	
1	Bắc Trà My	88,554	66,379	22,175	
2	Đông Giang	36,509	26,508	10,002	
3	Nam Giang	20,020	15,471	4,548	
4	Phước Sơn	65,597	55,590	10,008	
5	Nam Trà My	3,760	1,789	1,971	
6	Tây Giang	17,332	15,254	2,078	
II	Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và Miền núi	117,449	85,561	31,888	

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025			Ghi chú
		Tổng	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh	
1	Bắc Trà My	9,985	6,662	3,322	
2	Hiệp Đức	7,958	6,499	1,460	
3	Nam Giang	23,935	16,806	7,129	
4	Đông Giang	16,334	9,692	6,642	
5	Nam Trà My	12,351	6,968	5,383	
6	Phước Sơn	22,638	17,964	4,674	
7	Tiên Phước	22	5	17	
8	Tây Giang	24,227	20,965	3,262	
III	Chương trình Nông thôn mới	62,189	26,585	35,604	
1	Tam Kỳ	46	46	-	
2	Điện Bàn	333	326	7	
3	Duy Xuyên	1,087	71	1,016	
4	Phú Ninh	3,314	769	2,545	

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025			Ghi chú
		Tổng	Trong đó		
			NSTW	NS tỉnh	
5	Thăng Bình	547		547	
6	Đại Lộc	3,712	898	2,814	
7	Núi Thành	1,728	131	1,597	
8	Quế Sơn	11,230	11,230	-	
9	Tây Giang	2,573	115	2,458	
10	Bắc Trà My	855	-	855	
11	Phước Sơn	3,388	-	3,388	
12	Tiên Phước	21,497	10,776	10,721	
13	Đông Giang	3,840	612	3,228	
14	Hiệp Đức	4,510	1,434	3,076	
15	Nam Giang	3,529	177	3,352	